

Số: 134/QĐ-UBND

Lam Vỹ, ngày 02 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LAM VỸ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 7186/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 25/NQ - HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Lam Vỹ kỳ họp thứ 5 khóa XXIV nhiệm kỳ 2021-2026 về phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước xã Vỹ năm 2021;

Theo đề nghị của Ban Tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tổng quyết toán ngân sách nhà nước xã Lam Vỹ năm 2021. (Theo các biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Giao cho công chức Văn phòng - Thống kê, công chức Tài chính- kế toán phối hợp với các ban ngành liên quan. công khai theo luật ngân sách và chế độ qui định..

Điều 3. Các ông, bà văn phòng HĐND&UBND xã, các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch và P.Chủ tịch UBND xã;
- Các ban ngành thuộc xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hạc Văn Luận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LAM VỸ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *32*/TB-UBND

Lam Vỹ, ngày 02 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

(V/v niêm yết công khai tổng quyết toán NSNN năm 2021)

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Quyết định số: 7186/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021;

Căn cứ vào Nghị quyết số 65/NQ - HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân xã Lam Vỹ kỳ họp thứ 13 khóa XXIII nhiệm kỳ 2016-2021 về phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã Lam Vỹ năm 2021;

Căn cứ vào Nghị quyết số 25/NQ - HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Lam Vỹ kỳ họp thứ 5 khóa XXIV nhiệm kỳ 2021-2026 về phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã Lam Vỹ năm 2021;

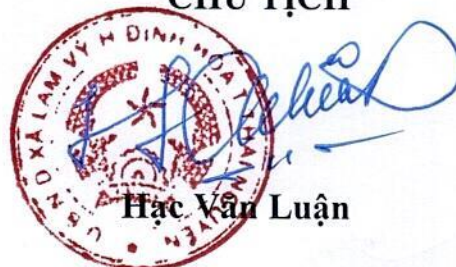
UBND xã Lam Vỹ thông báo về việc niêm yết công khai tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cụ thể như sau:

1/ Thời gian niêm yết công khai kể từ hồi 7 giờ 30 phút ngày 03 tháng 8 năm 2022 đến 7 giờ 30 phút ngày 03 tháng 9 năm 2022.

2/ Địa điểm niêm yết công khai tại: Phòng một cửa của UBND xã Lam Vỹ và 10 điểm nhà văn hóa các xóm, công khai trên hệ thống truyền thanh của xã.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu công chức Kế toán - ngân sách xã, công chức Văn phòng- thống kê, các Ông Trưởng thôn thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và nhân dân được biết./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Hạc Văn Luận

Lam Vỹ, ngày 03 tháng 8 năm 2022

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai tổng quyết toán NSNN năm 2021

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ vào Nghị quyết số 25/NQ - HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Lam Vỹ kỳ họp thứ 5 khóa XXIV nhiệm kỳ 2021-2026 về phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước xã Vỹ năm 2021;

Căn cứ Thông báo số: 32/TB - UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 của UBND xã Lam Vỹ Về việc Niêm yết công khai tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Hôm nay vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 03 tháng 8 năm 2022.

Địa điểm tại: Văn phòng UBND xã .

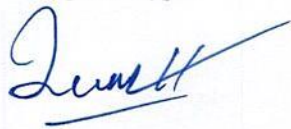
Thành phần gồm:

1. Ông: Hạc Văn Luận - Chủ tịch UBND xã
2. Ông : Ma Văn Trọng - Phó CT HĐND xã
3. Ông: Hoàng Văn Phòng - Phó chủ tịch UBND xã
4. Ông: Hạc Ngọc Quân - Công chức Văn phòng- thống kê UBND xã
5. Ông: Nguyễn Văn Hòa - Công chức Kế toán – ngân sách UBND xã

Nội dung: Tiến hành lập biên bản Niêm yết công khai tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021.

UBND xã đã tiến hành niêm yết công khai thực hiện Niêm yết công khai tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021. Địa điểm niêm yết công khai tại: Phòng một cửa của UBND xã Lam Vỹ và 10 điểm nhà văn hóa các xóm, công khai trên hệ thống truyền thanh của xã. Thời gian niêm yết công khai là 30 ngày, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu công chức Kế toán - ngân sách xã, công chức Văn phòng- thống kê, các Ông Trưởng thôn thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và nhân dân được biết./

Người lập



Hạc Ngọc Quân

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hạc Văn Luận

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	7.841.147.172	Tổng số chi	7.415.035.909
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	247.464.715	I. Chi đầu tư phát triển	1.241.191.080
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	31.956.788	II. Chi thường xuyên	6.139.400.829
III. Thu bổ sung	7.373.912.040	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối	4.227.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	34.444.000
- Bổ sung có mục tiêu	3.146.912.040		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	148.239.629		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	39.574.000		
Kết dư ngân sách	426.111.263		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	5.426.000.000	5.523.000.000	8.358.717.222	7.841.147.172	154,04	141,97
I. Các khoản thu 100%	67.000.000	222.000.000	247.464.715	247.464.715	369,35	111,47
1. Phí, lệ phí	27.000.000	27.000.000	26.311.747	26.311.747	97,45	97,45
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			23.834.968	23.834.968		
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		155.000.000	155.000.000	155.000.000		100,00
8. Thu khác	40.000.000	40.000.000	42.318.000	42.318.000	105,8	105,8
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	147.000.000	89.000.000	549.526.838	31.956.788	373,82	35,91
1. Các khoản thu phân chia	8.000.000	8.000.000	6.870.340	6.870.340	85,88	85,88
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.500.000	1.500.000	1.520.340	1.520.340	101,36	101,36
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.500.000	6.500.000	5.350.000	5.350.000	82,31	82,31
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	139.000.000	81.000.000	542.656.498	25.086.448	390,40	30,97
2.1. Thu tiền sử dụng đất	50.000.000	35.000.000	502.445.600			
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	46.000.000	46.000.000	25.086.448	25.086.448	54,54	54,54
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	43.000.000		15.124.450			
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			39.574.000	39.574.000		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			148.239.629	148.239.629		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.212.000.000	5.212.000.000	7.373.912.040	7.373.912.040	141,48	141,48
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.237.000.000	4.237.000.000	4.227.000.000	4.227.000.000	99,76	99,76
2. Bổ sung có mục tiêu	975.000.000	975.000.000	3.146.912.040	3.146.912.040	322,76	322,76



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	7.380.687.000	1.241.000.000	6.139.687.000	7.415.035.909	1.241.191.080	6.173.844.829	100,47	100,02	100,56
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	604.000.000		604.000.000	597.074.533		597.074.533	98,85		98,85
1.1. Chi dân quân tự vệ	377.000.000		377.000.000	376.022.533		376.022.533	99,74		99,74
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	227.000.000		227.000.000	221.052.000		221.052.000	97,38		97,38
2. Chi giáo dục	220.115.000		220.115.000	220.115.000		220.115.000	100,00		100,00
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	20.000.000		20.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền thanh									
7. Chi thể dục, thể thao	35.000.000		35.000.000	4.200.000		4.200.000	12,00		12,00
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	1.241.000.000	1.241.000.000		1.293.341.080	1.241.191.080	52.150.000	104,22	100,02	
9.1. Giao thông	1.241.000.000	1.241.000.000		1.293.341.080	1.241.191.080	52.150.000	104,22	100,02	
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.852.000.000		4.852.000.000	4.858.189.296		4.858.189.296	100,13		100,13
Trong đó: Quỹ lương				2.915.677.771		2.915.677.771			
10.1. Quản lý Nhà nước	3.200.000.000		3.200.000.000	3.197.893.802		3.197.893.802	99,93		99,93
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	700.000.000		700.000.000	699.528.139		699.528.139	99,93		99,93
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	270.000.000		270.000.000	269.600.435		269.600.435	99,85		99,85

Tỉnh: Thái Nguyên

Huyện: Định Hóa

Xã: Lam Vỹ

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	112.000.000		112.000.000	112.426.331		112.426.331	100,38		100,38
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	135.000.000		135.000.000	139.900.731		139.900.731	103,63		103,63
10.6. Hội Cựu chiến binh	145.000.000		145.000.000	147.394.806		147.394.806	101,65		101,65
10.7. Hội Nông dân	120.000.000		120.000.000	119.756.252		119.756.252	99,80		99,80
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	170.000.000		170.000.000	171.688.800		171.688.800	100,99		100,99
11. Chi cho công tác xã hội	284.000.000		284.000.000	283.632.000		283.632.000	99,87		99,87
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	284.000.000		284.000.000	283.632.000		283.632.000	99,87		99,87
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
11.5. Khác									
12. Chi khác				34.444.000		34.444.000			
13. Dự phòng	124.572.000		124.572.000	124.040.000		124.040.000	99,57		99,57
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2021			THỰC HIỆN NĂM 2021		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG CỘNG				256.800.518	104.310.000	152.490.518
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	243.574.218	243.574.218		256.800.518	104.310.000	152.490.518
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	60.750.000	60.750.000		60.750.000	32.380.000	28.370.000
- Quỹ bảo trợ trẻ em	12.920.000	12.920.000		12.920.000		12.920.000
- Quỹ vì người nghèo	54.392.218	54.392.218		54.392.218	33.000.000	21.392.218
- Quỹ chữ thập đỏ	61.692.000	61.692.000		61.692.000	11.100.000	50.592.000
- Quỹ da cam	42.860.000	42.860.000		42.860.000	16.950.000	25.910.000
- Quỹ người cao tuổi	10.960.000	10.960.000		10.960.000	10.880.000	80.000
- Quỹ phát triển rừng				53.800		53.800
- Quỹ phí GT đường bộ				13.172.500		13.172.500